



Dự toán kinh phí thực hiện hỗ trợ nâng chuẩn cho giáo viên dân lập, tư thục và truy lĩnh học phí đào tạo nâng trình độ chuẩn cho giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo Nghị định số 311/2025/NĐ-CP của Chính phủ

(Kèm theo Báo cáo số 1531/BC-SGDĐT ngày 15/10/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: 1000 đồng

TT	Nội dung chi	Định mức chi	Thời gian	Số người	Số tiền	Cơ sở pháp lý/ căn cứ	Ghi chú
I	Nội dung 1: Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên dân lập, tư thục.						
1	Hỗ trợ học phí đào tạo nâng chuẩn đối với giáo viên mầm non	1.600/tháng	10 tháng x 2 năm	233	7.456.000	Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo "Điều 9. Học phí đối với giáo dục nghề nghiệp: 1. Mức trần học phí đối với các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên năm học 2026 - 2027 như sau: (Khối ngành khoa học và đào tạo giáo viên): 1,600/tháng; 6. Mức học phí đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học, đào tạo từ xa được xác định trên cơ sở chi phí hợp lý thực tế với mức thu không vượt quá 150% mức học phí của hệ đào tạo chính quy tương ứng."	
2	Hỗ trợ học phí đào tạo nâng chuẩn đối với giáo viên tiểu học, THCS	1.790/tháng	10 tháng x 2 năm	1	35.800	Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo "Điều 10 Học phí đối với giáo dục đại học: 1. Mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục đại học công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên năm học 2026 - 2027 (Khối ngành khoa học và đào tạo giáo viên): 1,790/tháng; 6. Mức học phí đào tạo hình thức vừa làm vừa học; đào tạo từ xa được xác định trên cơ sở chi phí hợp lý thực tế với mức thu không vượt quá 150% mức thu học phí so với hệ đào tạo chính quy tương ứng."	
Tổng I					7.491.800		

II	Nội dung 2: điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP quy định: “2. Những giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thuộc đối tượng phải thực hiện nâng trình độ chuẩn đã được cấp bằng tốt nghiệp đạt yêu cầu về trình độ chuẩn được đào tạo của cấp học đang giảng dạy kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 nhưng chưa được cơ quan, đơn vị thanh toán học phí đào tạo thì được truy lĩnh, chi trả học phí đào tạo. a) Mức tiền được truy lĩnh, chi trả bằng mức thu học phí của cơ sở đào tạo tại thời điểm giáo viên theo học. Mức tiền này không bao gồm chi phí thi lại và học lại. Giáo viên mầm non theo quy định tại khoản này nếu đào tạo nâng trình độ chuẩn từ trung cấp lên đại học ngành Giáo dục mầm non thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tham mưu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức tiền được truy lĩnh nhưng không thấp hơn mức học phí đào tạo từ trình độ trung cấp lên cao đẳng;”						
Mầm non	Truy lĩnh học phí đối với giáo viên đào tạo từ trung cấp lên cao đẳng			4	58.640	Chi theo hóa đơn thực tế	
	Mức truy lĩnh học phí đối với giáo viên đào tạo từ trung cấp lên đại học	780/tháng*1,5	10 tháng x 2 năm	624	14.601.600	Điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định số 97/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: “1. Mức trần học phí năm học 2021 - 2022 và năm học 2022 - 2023 như sau: a) Mức trần học phí đối với các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư như sau: <i>Ngành Khoa học xã hội nhân văn, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh, quản lý</i>: 780.000 đồng/tháng. Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: <i>Mức học phí đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học; đào tạo từ xa được xác định trên cơ sở chi phí hợp lý thực tế với mức thu không vượt quá 150% mức học phí của hệ đào tạo chính quy tương ứng.</i> (Trường hợp chi phí đào tạo thấp hơn mức hỗ trợ thì tính theo hóa đơn thực tế).	
Tiểu học	Học phí			2,057	50.775.915	Chi theo hóa đơn thực tế	
THCS	Học phí			720	17.639.127	Chi theo hóa đơn thực tế	
Tổng II				3405	83.075.282		
Tổng					90.567.082		

